TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2021/DS-PT
Ngày 19/3/2021
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hà Huy Hùng.
Các Thẩm phán: Ông Lê Quốc Thành.
Bà Lê Thu Hương

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Thu Hà. Thư ký TAND tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Ông Đỗ Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 và 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2020/DSPT ngày 17/11/2020 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2020/DS-ST ngày 10/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa bị kháng cáo và kháng nghị. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2021/QĐ-PT ngày 14 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1939.
Địa chỉ: Số ... L.T.H, phường L.S, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Th:*
Bà Lê Thị Ph.. Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm TGPLNN tỉnh Thanh Hóa.

**** Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961.
Địa chỉ: Số 01/... L.T.H, phường L.S, TP Th Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị Th1, SN 1958.
Địa chỉ: Số 03/... L.T.H, phường L.S, TP Thanh Hóa, tỉnh Th Hóa.

2. Chị Hà Thị L.A, SN 1982.
Địa chỉ: Số… N.Q, phường T.N, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Hà Thị L.A:*
Ông L.T.D, SN 1971. Địa chỉ: Tổ… T.L, ngõ Q.L, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

3. Bà Đặng Thị Th2, SN 1936.
Địa chỉ: Số… L.N.T, phường Đ.T, TP Thanh Hóa, T. Thanh Hóa.

4. Bà Đặng Thị Ph, S.N 1936.
Địa chỉ: Số… M.T.B, phường Q.T, TP Nam Định, T. Nam Định.

5. Bà Nguyễn Thị Kim D, SN 1958.
Địa chỉ hiện tại: .. T.H, phường N.Q, TP Nam Định, T. Nam Định.

6. Bà Nguyễn Thị Kim L, S.N 1962
Địa chỉ: Số …, Ngõ… phố chợ K.T, phường T.P, Q. Đống Đa, Hà Nội.

7. Bà Nguyễn Thị T.P, S.N 1964;
Địa chỉ: Số…, đường Đ.B, phường C.B, TP Nam Định, T. Nam Định.

8. Bà Nguyễn Thị Kim L1, S.N 1965;
Địa chỉ: Số…, H.V.T, Phường N.D, TP Nam Định, T. Nam Định.

9. Ông Nguyễn Quốc Ng, S.N 1967;
Địa chỉ: Số… M.T.B, phường Q.T TP Nam Định, T. Nam Định.

10. Chị Nguyễn Thị Th.H, S.N 1971;
Địa chỉ: Số…, P.D.G, phường N.T, TP Nam Định, T. Nam Định.

- *Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà:* Đặng Thị Ph, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị T. H, Nguyễn Thị Kim L1, Nguyễn Quốc Ng, Nguyễn Thị T.P:

Bà Nguyễn Thị K. D (Đương sự trong vụ án).
- Địa chỉ hiện tại: Sỗ…T.H, phường N.Q, TP Nam Định, T. Nam Định.
- Địa chỉ tạm trú: Số…, đường T.T, phường Đông Thọ, TP. Thanh Hóa.

11. Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Đại lộ Nguyễn Hoàng, phường Đông Hải, TP Th Hóa, tỉnh Th Hóa.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông T.H.T - Chủ tịch

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông L.H.A. Phó trưởng phòng TNMT

*** Người kháng cáo:** - Bà Nguyễn Thị Th (Nguyên đơn).
- Bà Nguyễn Thị Th1 (Người có QLNVLQ).

*** Kháng nghị:** Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa.

* Tại phiên tòa: Vắng mặt đại diện Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, người được ủy quyền đều có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

1. Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Bố bà là ông Nguyễn Văn Ch chết năm 1979, mẹ bà là bà Trần Thị Kh chết năm 2003. Bố mẹ bà S được 05 người con chung gồm: bà Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hồng S (chết năm 1973, không có vợ con) và Nguyễn Thị V (đã chết và có 1 con gái là Hà Thị L.A tên gọi khác là Nguyễn Thị H2). Ngoài ra bố bà (ông Nguyễn Văn Ch) có 01 con riêng là ông Nguyễn Ng O. (đã chết; ông O. có 06 người con gồm Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Th1 H, Nguyễn Thị Kim L1, Nguyễn Quốc Ng, Nguyễn Thị Th.P), và mẹ bà (Trần Thị Kh) có 1 con riêng là bà Đặng Thị Th2.

Khi còn sống bố mẹ bà có tạo lập được khối tài sản chung là 248m^2 đất trong đó có 74m^2 đất ở và 174m^2 đất vườn tại số nhà 27 xóm 7 tiểu khu Hoàng Hoa Thám, thị xã Th Hóa (nay là số nhà 01, 03 ngõ ... và số nhà ... phố L.T.H phường L.S, thành phố Th Hóa), toàn bộ diện tích trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) năm 1964 mang tên ông Nguyễn Văn Ch.

Năm 1979 bố bà chết không để lại di chúc, năm 1980 mẹ bà có phân chia đất cho các con gồm Th, Th1, H, V. Bà Th được chia phần đất phía ngoài cùng, một mặt giáp đường L.T.H, một mặt giáp ngõ ... diện tích khoảng 24m^2; sau đó lần lượt đến bà V được chia 16m^2, tiếp theo là đến phần đất cụ Kh ở chung với bà H khoảng 76m^2 và cuối cùng là phần đất của bà Th1, khi chia đất cho các con thì có tách ra một phần đất làm ngõ đi chung rộng khoảng 01m và một phần tiếp giáp với nhà bà Th1 đã để cho hàng xóm sử dụng đến nay. Sau khi được chia đất bà đã tách ra ở riêng, xây dựng nhà cửa, tách hộ khẩu theo vị trí thửa đất, nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ. Năm 1991 bà V chuyển nhượng cho bà 16m^2 đất tiếp giáp nhà bà, tổng diện tích đất bà sử dụng khoảng 40m^2, năm 1997 bà V trở về sống bên cạnh cụ Kh nên được cụ cho bà V xây dựng nhà trên khoảng 20m^2 trong phần đất mà cụ Kh đang ở với bà H.

Tháng 3/2014 bà muốn xây dựng lại nhà cửa nên đã làm đơn xin phép để xây dựng thì mới biết phần đất mẹ bà (cụ Kh) đã chia cho các chị em năm 2003 UBND thành phố Th Hóa đã cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị H trên cơ sở di chúc mẹ bà để lại và hợp đồng tặng cho nhà và chuyển quyền sử dụng đất ở tháng 3/2003.

Nay bà Th xét thấy bản di chúc và hợp đồng tặng cho không hợp pháp và không đúng quy định của pháp luật. Do vậy bà làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy hợp đồng tặng cho ghi tháng 03/2003 giữa cụ Trần Thị Kh cho bà Nguyễn Thị H. Hủy di chúc ngày 05/11/2002 của mẹ bà là Trần Thị Kh.

- Chia di sản thừa kế là tài sản chung của bố mẹ để lại cho các anh chị em theo quy định của pháp luật. Bà Th đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế trên cơ sở: Phần diện tích đất bà Th1, Th và H đang sử dụng thì để giao nguyên hiện trạng và các bà Th1, Th và H có trách nhiệm thanh toán lại bằng tiền cho bà Th2 và các con nhà ông O..

2. Theo bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H thống nhất với bà Th về bố mẹ bà là cụ Nguyễn Văn Ch và Trần Thị Kh và các con chung, con riêng của bố mẹ bà; thời điểm cụ Ch và cụ Kh chết, khối tài sản chung của cụ Ch và cụ Kh, sau khi cụ Nguyễn Văn Ch chết không để lại di chúc như bà Th đã trình bày.

Tuy nhiên, ngày 05/11/2002 mẹ bà cụ Trần Thị Kh có để lại di chúc, khi lập có chứng thực tại phòng Tư pháp UBND thành phố Thanh Hóa. Lúc đó bà Th2 là người trực tiếp đưa cụ Kh đi. Đến tháng 3 năm 2003 mẹ bà (cụ Kh) cho bà nhà và một phần đất của mẹ bà và đã lập hợp đồng tặng cho, cụ Trần Thị Kh tặng cho bà 37m^2 đất ở và 39,5m^2 đất vườn, tổng diện tích 76,5 m^2 và nhà trên đất. Lúc mẹ bà tặng cho bà thì cụ Kh hoàn toàn M1 mẫn, bà và cụ Kh cùng ký,

điểm chỉ hợp đồng tặng cho tại UBND thành phố Thanh Hóa. Sau đó bà đã làm thủ tục và nộp tiền vào kho bạc để chuyển toàn bộ thành đất ở và toàn bộ diện tích này bà đã được UBND thành phố Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ số W580360 ngày 07/4/2003 số vào sổ cấp GCN T00279L3 QSDĐ/675/2003/QĐ- CT. Phần đất mà bà V ở khoảng 10m^2 sau này bà V không ở nữa thì bà sử dụng luôn nên hiện nay diện tích đất bà đang sử dụng là 85,6m^2. Bà đã đưa cho cháu Hà L.A con gái của bà V số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 30/8/2007.

Diện tích đất còn lại của bố, mẹ bà thì do bà Th1 và bà Th quản lý sử dụng, hiện nay vẫn chưa được cấp GCNQSDĐ, nay bà Th làm đơn yêu cầu Tòa án hủy di chúc của mẹ bà cho bà và Hợp đồng tặng cho nhà và chuyển quyền sử dụng đất của mẹ bà và bà, đồng thời chia di sản thừa kế của bố mẹ bà để lại là tổng diện tích 248m^2 trong đó có cả 76,5m^2 đất mà cụ Kh cho bà đã được cấp GCNQSDĐ. Việc mẹ bà làm di chúc cho bà bản thân bà H không được biết, bà Th2 là con riêng của cụ Kh lai cụ Kh lên UBND thành phố để làm di chúc. Việc mẹ bà (cụ Kh) tặng cho nhà và quyền sử dụng đất cho bà là toàn toàn tự nguyện, mẹ bà còn M1 mẫn. Bà và cụ Kh ký vào Hợp đồng tặng cho, có sự chứng kiến của UBND thành phố Th Hóa.

Do vậy bà không đồng ý chia phần diện tích đất của bà đã được mẹ bà tặng cho, mà chỉ đề nghị Tòa án xem xét phần diện tích đất còn lại của bố mẹ bà chưa cấp GCNQSDĐ mà hiện nay bà Th và bà Th1 đang quản lý sử dụng.

3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Bà Nguyễn Thị Th1 trình bày: Thống nhất với nội dung về bố mẹ là ông Nguyễn Văn Ch và bà Trần Thị Kh có các con chung, con riêng của bố mẹ bà; thời điểm bố mẹ chết, khối tài sản chung của bố mẹ, sau khi ông Nguyễn Văn Ch và bà Trần Thị Kh chết không để lại di chúc như bà Th đã trình bày. Mặc dù bố mẹ đều có con riêng nhưng các anh chị đều ở xa, không ở chung với bố mẹ và gia đình, khi bố mẹ đau ốm không chăm sóc và khi chết không đóng góp gì.

Năm 1980, mẹ bà (cụ Kh) có gọi các con về phân chia đất cho các con là Th, H, Th1, V mỗi người một phần đất. Riêng phần bà V đã chuyển nhượng lại cho bà Th 16m^2 tổng diện tích của bà Th như hiện trạng là 40,08m^2. Phần đất của bà có mua thêm của nhà ông Tiến bà Thể diện tích 16,5m^2 vào năm 1999, có giấy viết tay. Khoảng năm 2002 mẹ bà (cụ Kh) ốm nặng có gọi chị em bà về họp, thống nhất và chỉ đạo các con đưa hồ sơ và mỗi người nộp cho bà H 50.000đồng để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, có trưởng phố, đại diện chính quyền chứng kiến.

Về di chúc : Mẹ bà là người không biết chữ, năm 2002 mẹ bà ốm nặng không đi lại được, địa điểm ghi lập trong di chúc là số nhà ... (nhà riêng của bà Th) là không hợp lý và di chúc mà chỉ có ông Lê Bá Nghênh ký vào là không hợp pháp. Từ đó hợp đồng tặng cho của mẹ bà (cụ Kh) cho bà H cũng không hợp pháp. Do vậy bà không đồng ý việc bà Nguyễn Thị H được cấp GCNQSDĐ do không hợp pháp. Nay bà Th khởi kiện đến Tòa án yêu cầu:

Hủy hợp đồng tặng cho ghi tháng 03/2003 giữa bà Trần Thị Kh cho bà Nguyễn Thị H. Hủy di chúc ngày 05/112002 của mẹ là bà Trần Thị Kh; Chia di sản thừa kế là tài sản chung của bố mẹ để lại là 248m^2 (gồm cả 76,5m^2 mà bà H

đã được cấp GCNQSDĐ) cho các anh chị em là con của bố mẹ theo quy định của pháp luật. Bà hoàn toàn nhất trí với quan điểm và ý kiến của bà Th và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Bà Th1 đề nghị chia kỷ phần cho bà bằng diện tích đất bà đang quản lý sử dụng.

2. Ý kiến của bà Đặng Thị Th2:

Bố bà là Đặng Quang D và mẹ là Trần Thị Kh có 01 người con là bà. Sau khi bố bà chết thì mẹ bà (Cụ Kh) lấy ông Nguyễn Văn Ch, khi đó ông Ch đã có một người con riêng là ông Nguyễn Ng O.. Sau khi mẹ bà và ông Ch lấy nhau bà và ông O. về ở chung với bố mẹ. Ông Ch và mẹ bà lấy nhau đã S hạ được 5 người con như bà Th, Th1, H trình bày.

Đến khoảng năm 1959 bà lấy chồng, còn ông O. lấy vợ trước bà khoảng 5 năm, sau khi bà và ông O. lập gia đình riêng và đi S sống ở nơi khác, trên đất đó chỉ còn ông Ch, bà Kh và các con chung của ông bà ở trên đất tại số nhà 27 xóm 7 tiểu khu Hoàng Hoa Thám, thị xã Thanh Hóa. Sau khi lấy chồng bà S hai con đầu lòng còn về nhà ông Ch và bà Kh để nghỉ S, bản thân vẫn đi lại thăm nom, chăm sóc bố mẹ cho đến lúc các cụ mất.

Đến năm 2002, mẹ bà (cụ Kh) có bệnh ốm nhưng còn M1 mẫn, vẫn còn đi bán hàng ngoài chợ, khi đó bà là người trực tiếp đưa mẹ bà lên UBND thành phố Th Hóa để làm bản di chúc. Đến đầu năm 2003 mẹ bà làm hợp đồng tặng cho bà H, sau đó cụ Kh ốm nặng và mất.

Nay bà Th khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế và hủy di chúc cũng như hợp đồng tặng cho của mẹ cho bà H thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ý kiến của bà Nguyễn Thị Kim D:

Bố bà (Nguyễn Ng O.) là con riêng của ông Nguyễn Văn Ch, bố bà chết năm 2006. Bố bà (ông O.) và mẹ bà (bà Đặng Thị Ph) có 06 người con gồm: bà là Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Th1 H, Nguyễn Thị Kim L1, Nguyễn Quốc Ng, Nguyễn Thị Th1 PH). Khi bố bà và ông bà còn sống thì vẫn qua lại thăm nom. Toàn bộ khu đất mà hiện nay các bà Th, H, Th1 đang quản lý sử dụng là của ông Ch và bà Kh. Năm 1979 ông Ch chết không để lại di chúc, sau khi ông chết thì bà Kh chia cho các con chung của ông bà để ở gồm: Bà Th ở phần đầu mảnh đất và bà Th xây nhà từ năm 1987 và ở cho đến nay; tiếp sau bà Th là phần của bà V diện tích khoảng 16m^2 bà V sử dụng từ năm 1976. Đến năm 19... bà V bán lại cho bà Th phần đất này và bà Th đã sử dụng từ đó cho đến nay nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tiếp theo là phần đất và nhà cấp 4 bà Kh và bà H ở cùng, phần đất này bà Kh đã cho bà H và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 07/4/2003 do UBND thành phố Th Hóa cấp mang tên bà Nguyễn Thị H. Phần tiếp giáp bà H là bà V diện tích khoảng 20m$^{2.}$. Năm 1999 bà V chết và giao cho con gái bà V là Hà Thị L.A tiếp quản sử dụng. Năm 2007 bà H đã đưa cho Hà Thị L.A số tiền 50.000.000 đồng và bà H sử dụng phần đất này của bà V. Phần cuối cùng là bà Th1 sử dụng từ năm 1987 bà Th1 xây nhà và ở từ năm 1987 cho đến nay, chưa được cấp GCN quyền sử dụng đất. Nay bà Th khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Ch và bà Kh và hủy di chúc cũng như hợp đồng tặng

cho của bà Kh cho bà H thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, kỷ phần thừa kế của ông O. bao nhiêu đề nghị Tòa phân chia bấy nhiêu.

5. Ý kiến của chị Hà Thị L.A:

Chị là con ruột của bà Nguyễn Thị V, mẹ chị S được mình chị, tháng 8/1999 mẹ chị (bà V) chết. Mẹ chị là con ruột của ông Nguyễn Văn Ch và bà Trần Thị Kh. Chị thống nhất với ý kiến của các bác, các dì nội D về ông bà ngoại chị là ông Nguyễn Văn Ch và Trần Thị Kh và các con chung, con riêng của ông bà; thời điểm ông bà chết, khối tài sản chung của ông bà như đã trình bày.

Năm 2003 khi bà Kh làm di chúc tặng cho bà H phần diện tích đất bà và bà H đang ở thì ý nguyện của bà là nếu chị không ở trên đất 20m^2 đã xây nhà vào năm 1997 đó thì bà H Th toán cho bà 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và bà để diện tích đất đó cho bà H. Sau đó bà H đã trả đủ cho chị 50.000.000đồng vào ngày 30/7/2007 và chị để lại phần đất mà năm 1997 bà ngoại đã cho mẹ con chị sử dụng. Nay bà Th khởi kiện chia di sản của ông bà chị (cụ Kh và cụ Ch) để lại thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

6. *Ý kiến của UBND thành phố Thanh Hóa:*

Bà Nguyễn Thị H được UBND thành phố Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00279 LS QSDĐ/675/2003/QĐ-CT tại số nhà .../01 đường L.T.H, phường L.S, diện tích 76,5m^2 đất ở, hồ sơ cấp giấy gồm: Hợp đồng cho nhà và quyền sử dụng đất ngày 26/3/2003 giữa bên cho tặng là bà Trần Thị Kh và bên nhận cho tặng là bà Nguyễn Thị H được UBND thành phố Thanh Hóa chứng thực ngày 26/3/2003. Theo Hợp đồng bà Trần Thị Kh cho con gái Nguyễn Thị H kỷ phần của bà, phần còn lại định đoạt theo quy định pháp luật có kèm theo sơ đồ khu đất chuyển quyền với diện tích 76,5m^2; Biên bản kiểm tra hiện trạng và nguồn gốc sử dụng đất ngày 25/12/2002 của phòng quản lý đô thị thành phố Th Hóa trong biên bản thể hiện nguồn gốc sử dụng đất, khu đất bà Kh đang sử dụng có nguồn gốc được cấp năm 1964, mọi giấy tờ liên quan đến nhà đất bị thất lạc (có xác nhận của Trung tâm lưu trữ tỉnh Thanh Hóa về gianh giới sử dụng ổn định không tranh chấp. Việc UBND thành phố Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận QSDĐ số T00279 LS QSDĐ/675/2003/QĐ - CT tại số nhà .../01 đường L.T.H, phường L.S, diện tích 76,5m^2 đất ở cho bà Nguyễn Thị H là đúng quy định vì: Giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho bà Nguyễn Thị H dựa trên Hợp đồng tặng cho nhà và quyền sử dụng đất ngày 26/3/2003 giữa bên cho tặng là bà Trần Thị Kh và bên nhận cho tặng là bà Nguyễn Thị H đã được UBND thành phố Thanh Hóa chứng thực ngày 26/3/2003. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận cho bà H thì bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Th1 đã thống nhất về vị trí mốc giới và đã xây nhà ở ổn định, không xảy ra tranh chấp.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2020/DS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 35; Điều 271; 273 BLTTDS; Điều 649, Điều 651, Điều 653, Điều 654, Điều 656, Điều 657, Điều 658, Điều 660, BLDS năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm a khoản 7 Điều 27; tiểu mục 1.3 mục 1 phần II Mục A Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH 14 của UBTV Quốc Hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th về hủy Hợp đồng tặng cho nhà và chuyển quyền sử dụng đất ngày 26/3/2003 giữa bên tặng cho là cụ Trần Thị Kh và bên được cho tặng là bà Nguyễn Thị H.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th về yêu cầu chia thừa kế tài sản của Cụ Nguyễn Văn Ch và cụ Trần Thị Kh theo pháp luật.

Xác định tài sản chung của cụ Ch và cụ Kh là 245,18 m^2 đất tại số nhà .../01, .../03 và số nhà ... L.T.H, phường L.S, thành phố Thanh Hóa.

Phần di sản của cụ Ch là 122,59m^2 đất, cụ Kh còn lại sau khi đã tặng cho bà H là 46,09 m^2.

2.1. Trích công tôn tạo, bảo quản di sản:

Trích công tôn tạo, bảo quản di sản cho bà Th trong phần di sản của cụ Ch và cụ Kh bằng 40% diện tích đất hiện nay bà đang sử dụng; (16,032m^2 trị giá thành tiền 961....0.000 đồng).

Trích công tôn tạo, bảo quản di sản cho bà Th1 trong phần di sản của cụ Ch và cụ Kh bằng 40% diện tích đất hiện nay bà đang sử dụng 36,84m^2 trị giá thành tiền 442.080.000 đồng)

Khối di sản chung của cụ Ch và cụ Kh sau khi trích công sức cho bà Th, bà Th1 (trong đó bà Th có 16,032m^2 trị giá thành tiền 961....0.000 đồng; bà Th1 36,84m^2 trị giá thành tiền 442.080.000 đồng). Còn lại là: 115,808m^2 đất, trị giá thành tiền: 2.818.000.000 đồng (Trong đó trừ ngõ đi chung diện tích 27,4 m^2 trị giá thành tiền 602.800.000đồng). Tổng giá trị còn lại 2.215.200.000đ.

2.2. Chia cho các kỷ phần thừa kế được hưởng:

Các bà Th, H, V, Th1 được hưởng ¾ di sản của cụ Ch và cụ Kh là 1.661.400.000 đồng. Như vậy mỗi kỷ phần được hưởng 415.350.000đ.

Ông O., bà Th2 được hưởng ¼ di sản của cụ Ch và cụ Kh là 553.800.000 đồng. Như vậy kỷ phần mỗi người được hưởng 276....0.000 đồng. Hiện nay ông O. đã chết, do vậy kỷ phần của ông O. giao lại cho bà Nguyễn Thị Kim D (là con gái của ông O. và là người đại diện theo ủy quyền của các đồng thừa kế của ông O.) quản lý và có trách nhiệm Th toán lại cho các đồng thừa kế của ông O..

2.3. Phân chia bằng hiện vật:

Chia cho bà Th kỷ phần bằng đất diện tích 40,08m^2 trị giá thành tiền là 2.404.800.000 đồng.

Ngoài ra trên đất còn có công trình nổi vợ chồng bà Th xây dựng gồm nhà ở xây tường gạch, mái tôn và gác xép. Đây là phần tài sản của vợ chồng bà nên giao cho bà Th được quyền sở hữu.

Chia cho bà Th1 diện tích đất hiện nay bà đang sử dụng ...,1m^2 trị giá thành tiền là 1.105.200.000đồng.

Bà Th1 được quyền sở hữu sử dụng nhà ở mái bằng bê tông cốt thép và nhà ở mái tôn trên diện tích đất bà đang sử dụng.

Chia cho bà H phần diện tích đất bà đang sử dụng đã xây công trình phụ 9,1 m^2 trị giá thành tiền 109.200.000 đồng và bà được quyền sử dụng phần đất cụ Kh cho tặng 76,5m^2 tổng cộng bà H được quyền sử dụng 85,6m^2

Bà H được quyền sở hữu sử dụng nhà ở tường gạch + mái tôn trên diện tích đất bà đang sử dụng.

Đối với phần ngõ đi chung lâu nay bà Th, H, Th1 đang sử dụng diện tích 27,4 m^2 trị giá thành tiền 602.800.000đồng. Nay tiếp tục để làm ngõ đi chung của các gia đình bà Th, Th1, H.

2.4. Phần phải chênh lại:

- Bà Th có trách nhiệm chênh lại cho bà Th2 và Bà Nguyễn Thị Kim D mỗi người 276....0.000 đồng. Chênh lại cho bà H: 121.730.000đ.

- Bà Th1 có trách nhiệm chênh lại cho bà H: 247.770.000đ.

- Bà V (nay chị Hà L.A là con gái) thực hiện nghĩa vụ chênh lại cho bà H 45.850.000đ.

* Án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Sau khi xét xử:**

1. Ngày 23/9/2020, bà Nguyễn Thị Th (Nguyên đơn) và bà Nguyễn Thị Th1 (Người có QLNVLQ) kháng cáo cùng nội D:

- Không đồng ý với Bản án sơ thẩm công nhận HĐ tặng cho QSD đất lập tháng 3/2003 giữa ông Nguyễn Văn Ch, bà Trần Thị Kh và bà Nguyễn Thị H có giá trị pháp lý. Xác định ông O. và bà Th2 được thừa kế là không đúng.

2. Ngày 25/9/2020 Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa có Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS với nội dung:

- HĐ tặng cho QSD đất lập tháng 3/2003 giữa ông Nguyễn Văn Ch, bà Trần Thị Kh và và bà Nguyễn Thị H là không hợp pháp.

- Tại phiên tòa đại diện UBND Thành phố Th Hóa vắng mặt nhưng quyết định quyền kháng cáo 15 ngày là không đúng khoản 1 Điều 273 BLTTDS.

- Quyết định không áp dụng Điều 677 BLDS đối với chị Hà Thị L.A thừa kế thế vị của bà V là thiếu sót.

Do đó kháng nghị bản án theo hướng "Hủy bản án sơ thẩm"

*** Tại phiên toà phúc thẩm:**

1. Người kháng cáo (bà Th và bà Th1) vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo và đơn khởi kiện. Đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập tháng 3/2003 giữa bà Trần Thị Kh cho bà Nguyễn Thị H có giá trị pháp lý là không có cơ sở. Bản án sơ thẩm xác định sai

hàng thừa kế theo quy định của pháp luật, để nghị sửa Bản án để đảm bảo sự công bằng quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình các bà.

2. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Th2, bà D) vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm:

3. Chị Hà Thị L.A đề nghị giám định lại giấy mua bán đất giữa bà V (mẹ chị) và bà Th lập năm 1993 và đề nghị tuyên bố HĐ này là vô hiệu, đồng thời giải quyết quyền lợi cho chị theo quy định về pháp luật thừa kế.

4. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

+ Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị thay đổi nội dung kháng nghị từ: Đề nghị Hủy bản án sơ thẩm thành sửa bản án sơ thẩm và rút một phần kháng nghị về yêu cầu Hủy hợp đồng tặng cho. Giữ nguyên nội dung kháng nghị về tuyên thời hạn kháng cáo; áp dụng Điều 652 BLDS về thừa kế thế vị; bổ xung kháng nghị về chia kỷ phần thừa kế và xác định lại án phí sơ thẩm.

+ Về các nội dung kháng cáo và kháng nghị:

Về yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tháng 3/2003 giữa cụ Kh với bà H thấy rằng: Tại thời điểm HĐ tặng cho được áp dụng quy định tại Nghị định số 75 ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực. Đối với cụ Kh là người không đọc và không ký được, nhưng là người trực tiếp tự nguyện điểm chỉ vào hợp đồng tặng cho tại UBND thành phố được chứng thực ngày 26/3/2003. Như vậy theo quy định PL thì việc cụ Kh tự điểm chỉ được vào hợp đồng tặng cho thì không cần phải có người làm chứng, nên hình thức của hợp đồng tặng cho đảm bảo quy định PL.

Về nội dung hợp đồng tặng cho: Cụ Ch và cụ Kh có khối tài sản chung theo thẩm định thực trạng là 245,18m^2 đất tại địa chỉ số nhà 01+03 ngõ ... và số nhà ... phố L.T.H, phường L.S, thành phố Th Hóa. Thời điểm cụ Kh lập hợp đồng tặng cho bà H thì phần của cụ Kh bằng 1/2 tài sản chung của cụ Ch và cụ Kh, cụ thể là 122,59m^2. nội dung cụ Kh tặng cho bà H 76,5m^2 đất thuộc quyền định đoạt của cụ Kh trong phần tài sản của mình. Do hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất chứng thực ngày 26/3/2003 giữa cụ Kh với bà H tuân thủ nội dung, hình thức theo quy định pháp luật. Bản án sơ thẩm tuyên Hợp đồng tặng cho nhà và chuyển quyền sử dụng đất ngày 26/3/2003 có hiệu lực và có căn cứ, do đó kháng cáo, kháng nghị yêu cầu hủy hợp đồng là không có cơ sở chấp nhận.

- Về nội dung kháng nghị đối với người đại diện của UBND thành phố Thanh Hóa vắng mặt nhưng bản án tuyên thời hạn kháng cáo trong 15 ngày là vi phạm khoản 1 Điều 273 BLTTDS do đó đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung kháng nghị này của VKS nhân dân thành phố Thanh Hóa là có căn cứ.

- Về nội dung kháng nghị, tòa án sơ thẩm không áp dụng điều luật về thừa kế thế vị (Điều 652 BLDS), Bản án sơ thẩm không áp dụng là thiếu sót trong bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bổ xung vào bản án về áp dụng pháp luật (Điều 652). Trong kháng nghị đề nghị áp dụng Điều 677 BLDS năm 2005 " thừa kế thế

vị", Kiểm sát viên đề nghị thay đổi là áp dụng Điều 652 BLDS năm 2015 "Thừa kế thế vị".

- Đối với nội dung kháng cáo nhận định sai hàng thừa kế thấy rằng: Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ch gồm: cụ Kh, bà Th, bà Th1, bà V, bà H và ông O.. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Kh gồm: Bà Th, bà Th1, bà V, bà H, bà Th2 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651, 654 BLDS. Bản án sơ thẩm xác định hàng thừa kế đối với ông O., bà Th2 được nhận thừa kế từ khối tài sản chung của cụ Ch, cụ Kh bằng 1/4 giá trị di sản của cụ Ch, cụ Kh là không chính xác nên kháng cáo của bà Th, bà Th1 về xác định lại hàng thừa kế là có cơ sở chấp nhận.

Do cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế; về trị giá kỷ phần thừa kế không chính xác nên cần chấp nhận kháng cáo, bổ sung kháng nghị của VKSND tỉnh Thanh Hóa sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

Di sản của cụ Ch và cụ Kh theo thẩm định là 245,18m^2 đất, trị giá 5.140.000.000đ. Cụ Ch chết năm 1979; cụ Kh chết năm 2003. Cụ Ch và cụ Kh có 4 người con chung là bà Th, bà Th1, bà V, bà H. Ngoài ra cụ Ch có 1 người con riêng là ông O.; cụ Kh có 1 ngươi con riêng là bà Th2. Năm 2003 cụ Kh đã lập hợp đồng tặng cho bà H 76,5m^2 đất và đã được UBND thành phố Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ.

- Trích công sức cho bà Th 16,032m2 trị giá 961....0.000đ; trích công sức cho bà Th1 36,84m2 đất trị giá 442.080.000đ, giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

- Tài sản của 2 cụ sau khi trích công sức còn lại : 245,18 – 52,872m^2 = 1..., 308m^2, trị giá **3**.736.000.000đ. Bản án sơ thẩm xác định diện tích đất còn lại là 115,808m^2 là không chính xác.

+ Di sản của cụ Ch = 1/2 là 1.868.000.000đ được chia cho 6 thừa kế (Cụ Kh, bà Th, bà Th1, bà V, bà H, ông O.) mỗi người được hưởng 311.333.330đ.

+ Di sản của cụ Kh = 1/2 là 1.868.000.000đ – 918.000.000đ (đã tặng cho bà H 76,5m^2 đất) = 950.000.000đ + 311.333.330 (kỷ phần của cụ Ch) = 1.261.333.330đ. Di sản của cụ Kh được chia cho 5 thừa kế (bà Th, Th1, V, H, Th2), mỗi người được hưởng là 252.266.600đ.

Cụ thể mỗi thừa kế được hưởng là:

1. Ông O. (người đại diện cho các thừa kế là bà D) nhận: 311.333.330đ (hưởng kỷ phần của cụ Ch).

2. Bà Th2: 252.266.600đ (hưởng kỷ phần của cụ Kh).

3. Bà V (người thừa kế thế vị là chị Hà Thị L.A) nhận: 563.599.996đ.

4. Bà Th thực tế sử dụng: 40,08m2 đất x 60.000.000đ/m2 = 2.404.800.000đ + 200.933.330đ (trị giá đất ngõ đi chung) = 2.605.733.330đ.

Bà Th được hưởng kỷ phần là 563.599.996đ + 961....0.000đ (hưởng công sức), nên bà Th phải chênh lại cho các thừa kế khác số tiền 1.080.213.334đ.

5. Bà Th1 thực tế đang sử dụng ...,1m2 x 12.000.000đ/m2 = 1.105.200.000đ + 200.933.330đ (đất ngỏ đi) = 1.306.133.330đ. Trong khi bà Th1 hưởng kỷ phần

563.599.996đ + 442.080.000 (tiền công sức) = 1.005.679.996đ nên bà Th1 phải chênh lại cho các thừa kế khác là 300. 453.334đ.

6. Bà H thực tế đang sử dụng 85,6m2 x 12.000.000đ/m2 = 1.027.200.000đ và 200.933.330đ (đất ngỏ đi) tổng 1.228.133.330đ. Bà H hưởng tài sản tặng cho trị giá 918.000.000đ + 563.599.996đ (tiền kỷ phần) = 1.481.599.000đ – 1.228.133.330đ = 253.466.660đ (đây là khoản tiền bà H được nhận từ bà Th và bà Th1).

Như vậy số tiền bà Th phải Th toán cho các thừa kế là 1.080.000.000đ; bà Th1 phải Th toán cho các thừa kế khác là 300.453.334đ. Tổng số tiền chênh lệch 1.380. 453.334đ, được chia cho các thừa kế gồm: Ông O. (người đại diện là bà D) 311.333.330đ; bà Th2 252.266.600đ; bà V (chị Hà L.A, người thừa kế thế vị) 563.599.996đ; bà H 253.466.660đ.

Trong vụ án này các đương sự trình bày, bà Th mua lại 16m^2 của bà V (do bà Kh chia) với số tiền 2....0.000đ. Bà H có trách nhiệm cho cháu Hà Thị L.A (con bà V) số tiền 50.000.000đ, số tiền này bà H đã giao cho chị L.A năm 2007. Xác định việc chuyển nhượng đất giữa bà V cho bà Th, bà H hỗ trợ 50.000.000đ cho chị L.A, đây là các thỏa Th1ận riêng với nhau khi bà V chưa được quyền sử dụng 16m^2 đất, bà H hỗ trợ tiền cho chị L.A, đây là quan hệ pháp luật khác nên không giải quyết trong vụ án này. Các đương sự khởi kiện bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

Do án sơ thẩm xác định sai hàng thừa kế; chia kỷ phần không chính xác nên sửa lại phần án phí sơ thẩm tương ứng với giá trị được chia.

Từ phân tích đánh giá trên, đề nghị: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS. Chấp nhận thay đổi kháng nghị, từ hủy Bản án sơ thẩm sang sửa Bản án sơ thẩm; Rút 1 phần kháng nghị về hủy hợp đồng chuyển nhượng; chấp nhận nội dung kháng nghị đối với việc tuyên thời hạn kháng cáo đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa; áp dụng Điều 652 BLDS trong bản án; chấp nhận bổ sung kháng nghị xác định lại kỷ phần thừa kế và án phí sơ thẩm. Chấp nhận 1 phần kháng cáo của bà Th và bà Th1 về hàng thừa kế.

Về án phí sơ thẩm: Bà Th, bà Th1, bà Th2, bà D là người cao tuổi; bà H đang thờ cúng liệt sĩ nên không phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Hà L.A phải chịu 26.543.960đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến, tranh luận của các đương sự, và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Tại phiên tòa, Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa không kháng cáo nhưng vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên căn cứ vào khản 3 Điều 296 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

- Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các bên không có thỏa thuận được với nhau về nội D tranh chấp nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa rút một phần kháng nghị và bổ sung một phần kháng nghị, xét thấy không vượt quá phạm vi ban đầu nên căn cứ vào khoản 3 Điều 298 của BLTTDS nên được chấp nhận.

[2]. Xét nội D kháng cáo:

2.1. Di sản thừa kế đang tranh chấp của cụ Nguyễn Văn Ch và Trần Thị Kh. Theo giấy xác nhận số 1425/TTLT-XN ngày 26/11/2002 của Trung tâm lưu trữ tỉnh Thanh Hóa thì hồ sơ lưu trữ năm 1964 danh sách những hộ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tên ông Nguyễn Văn Ch được cấp tại tổ... xóm .., tiểu khu H.H.T (nay là số nhà...+… ngõ... và số nhà ... phố L.T.H, phường L.S, thành phố Thanh Hóa) tổng diện tích đất là 248 m^2, trong đó: diện tích đất ở là 74m^2, diện tích đất vườn là 174m^2. Theo Biên bản thẩm định và định giá ngày 15/7/2020 thì diện tích đất hiện nay thực tế là 245,18m^2, tổng giá trị giá trị đất trên thị trường là 5.140.000.000 đồng.

2.2. Xác định những người được thừa kế di sản: Cụ Ch và cụ Kh S được 05 người con chung gồm: bà Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hồng S *(chết năm 1973, không có vợ con)* và bà Nguyễn Thị V *(đã chết và có 1 con gái là Hà Thị L.A)*. Ngoài ra cụ Ch có 01 con riêng là ông Nguyễn Ng O. *(đã chết)*, ông O. có vợ là bà Đặng Thị Ph và 06 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Th1 H, Nguyễn Thị Kim L1, ông Nguyễn Quốc Ng, Nguyễn Thị T.P; Cụ Kh có 01 con riêng là bà Đặng Thị Th2.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 651, 652 và 654 BLDS năm 2015, những người được quyền thừa kế di sản của cụ Ch và cụ Kh đã chết được xác định như sau:

Cụ Ch chết năm 1979 những người được thừa kế gồm: cụ Kh (vợ), bà Th, bà Th1, bà V, bà H và ông O. (con riêng).

Cụ Kh chết năm 2003, những người được thừa kế gồm: Bà Th, bà Th1, bà V, bà H và bà Th2 (con riêng).

Bản án sơ thẩm xác định hàng thừa kế đối với ông O. và bà Th2 (con riêng) như các con chung của cụ Ch, cụ Kh là không chính xác nên kháng cáo của bà Th, bà Th1 về xác định lại hàng thừa kế là có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, tài sản trên hiện nay những người được thừa kế gồm: bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Th1, bà Nguyễn Thị H, chị Hà Thị L.A (thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị V đã chết) đối với phần tài sản của cụ Ch và cụ Kh; bà Đặng Thị Ph, bà Nguyễn Thị Kim D, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Th1 H, bà Nguyễn Thị Kim L1, ông Nguyễn Quốc Ng và bà Nguyễn Thị Th1 PH (thừa kế thế vị của ông Nguyễn Ng O. đối với phần tài sản của cụ Ch); Bà Đặng Thị Th2 thừa kế đối với phần tài sản của cụ Kh.

2.3. Nội dung kháng nghị đối với việc tại phiên tòa vắng mặt người đại diện của UBND Th Hóa, nhưng bản án tuyên thời hạn kháng cáo trong 15 ngày là vi

phạm khoản 1 Điều 273 BLTTDS thấy rằng: Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện của UBND Thành phố Thanh Hóa, nhưng bản án tuyên thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 273 BLTTDS. Do đó kháng nghị của VKS Thành phố Thanh Hóa là có căn cứ nên được chấp nhận. Tuy nhiên UBND thành phố Th Hóa không có kháng cáo và cũng không khiếu nại, xét thấy không ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự và không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong quá trình xét xử.

2.4. Về nội dung kháng nghị không áp dụng điều luật về thừa kế thế vị (Điều 652 BLDS), Bản án sơ thẩm không áp dụng là thiếu sót, nên được áp dụng Điều 652 BLDS đối với vợ và các con ông của O. và con của bà V.

[3]. Xét kháng cáo về yêu cầu Hủy bản di chúc ngày 05/11/20202 và Hợp đồng tặng cho tháng 03/2003:

3.1. Bản di chúc ngày 05/11/2002 của bà Trần Thị Kh thể hiện: Di sản mà cụ Trần Thị Kh làm di chúc tặng cho bà Nguyễn Thị H là phần đất 105m^2 nằm trên diện tích đất 248 m^2 tại tổ... xóm..., tiểu khu H.H.T (nay là số nhà...+… ngõ... và số nhà ... phố L.T.H phường L.S, thành phố Th Hóa) mang tên cụ Nguyễn Văn Ch (chồng cụ Kh đã chết). Ngoài ra còn yêu cầu chị H sau này còn có trách nhiệm cho cháu Hà L.A con gái của bà Nguyễn Thị V (đã chết) một khoản tiền là 50.000.000đ để lập nghiệp. Cùng ngày đã được Phó Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa chứng thực và vào sổ số 80/TP/CC-SCT/CK Quyển số 01.

Nhưng đến tháng 3/2003, cụ Kh đã có sự thay đổi di chúc bằng việc làm Hợp đồng tặng cho bà Nguyễn Thị H một phần tài sản và có sự thay đổi về diện tích đất, theo quy định của Bộ luật dân sự năm 1995 thì Bản di chúc ngày 05/11/2002 không còn hiệu lực pháp luật.

3.2. Hợp đồng tặng cho nhà và chuyển quyền sử dụng đất ghi tháng 03/2003 giữa cụ Trần Thị Kh cho bà Nguyễn Thị H:

- Về hình thức: Hợp đồng tặng cho nhà và quyền sử dụng đất giữa cụ Trần Thị Kh và bà Nguyễn Thị H ghi tháng 03/2003, tại thời điểm tặng cho đã được UBND phường L.S và Phòng quản lý đô thị UBND thành phố Thanh Hóa lập biên bản kiểm tra, thẩm định ngày 10/3/2003 và được Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa chứng thực vào ngày 26/3/200.

Căn cứ vào Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 về công chứng, chứng thực, tại khoản 1 Điều 8 nghị định 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 quy định *"Trong trường hợp pháp luật quy định việc công chứng, chứng thực phải có người làm chứng hoặc trong trường hợp pháp luật không quy định phải có người làm chứng, nhưng người yêu cầu công chứng, chứng thực không đọc, không nghe, không ký hoặc không điểm chỉ được, thì phải có người làm chứng"*,

Theo bà Nguyễn Thị Th2 (con gái cụ Kh) là người trực tiếp đưa cụ Kh đến UBND Thành phố Th Hóa để lập Hợp đồng, mặc dù cụ Kh không ký được nhưng vẫn trong tình trạng M1 mẫn và nhận biết được hành vi của mình nên đã tự nguyện điểm chỉ vào Hợp đồng, trường hợp này theo quy định không bắt buộc phải có

người làm chứng. Ngoài ra thì UBND phường L.S và Phòng quản lý đô thị UBND thành phố Th Hóa đã lập biên bản kiểm tra, thẩm định ngày 10/3/2003 và được Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa chứng thực vào ngày 26/3/200. Mặt khác việc cụ Kh làm Hợp đồng tặng cho chị H đất phù hợp với ý chí nguyện vọng của cụ tại bản di chúc ngày 05/11/2002. Vì vậy căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm năm 2003 và các cơ sở trên thì Hợp đồng tặng cho giữa cụ Trần Thị Kh và bà Nguyễn Thị H tháng 03/2003 là hợp lệ.

- Về nội dung: Cụ Nguyễn Văn Ch và Trần Thị Kh là vợ chồng có khối tài sản chung là 248m^2 đất, trong đó có 74m^2 đất ở và 174m^2 đất vườn tại số nhà ... xóm.. tiểu khu H.H.T, thị xã Thanh Hóa (nay là số nhà ...+... ngõ ... và số nhà ... phố L.T.H phường L.S, thành phố Th Hóa), đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1964 mang tên cụ Nguyễn Văn Ch. Theo quy định tại Điều 27, 28 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì được xác định là tài sản chung của cụ Ch và cụ Kh (là vợ chồng).

Thực tế theo đo đạc thẩm định hiện nay diện tích đất còn 245,18 m^2, thời điểm cụ Kh làm Hợp đồng tặng cho bà H một phần (tháng 3/2003) chưa mua bán chuyển nhượng, tặng cho ai. Vì vậy xác định phần tài sản của cụ Kh có quyền định đoạt vào thời điểm tháng 03/2003 là 1/2 tài sản của diện tích đất, cụ thể 122,59m^2/245,18m^2. Tại thời điểm tặng cho theo bà Th2 là con riêng của cụ Kh là người trực tiếp đưa cụ Kh lên UBND thành phố Thanh Hóa để làm Hợp đồng tặng cho và chứng thực thì cụ Kh còn M1 mẫn. Phần tài sản Th1ộc quyền của cụ Kh (chưa tính phần được thừa kế của cụ Ch chồng bà đã mất) tại thời điểm tặng cho là nhà cấp 4 và diện tích đất 122,59m^2. Như vậy việc cụ Kh tặng cho nhà và chuyển quyền sử dụng đất đối với bà H 76,5m^2 tại số nhà 01/... L.T.H, phường L.S, thành phố Thanh Hóa là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phần tài sản của cụ được quyền định đoạt và không trái pháp luật. Do đó bà Nguyễn Thị Th yêu cầu "Hủy hợp đồng tặng cho nhà và chuyển quyền sử dụng đất ghi tháng 03/2003 giữa cụ Trần Thị Kh cho bà Nguyễn Thị H" không được chấp nhận.

- Trong vụ án này các đương sự trình bày, bà Th mua lại 16m^2 đất của bà V (do cụ Kh chia) với số tiền 2....0.000đ. Bà H được cụ Kh tặng cho đất nên có trách nhiệm cho cháu Hà Thị L.A (con bà V) số tiền 50.000.000đ và đã giao cho chị Hà Thị L.A năm 2007.

Để giải quyết dứt điểm vụ án, ổn định cuộc sống cho các bên và để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự theo pháp luật, được giải quyết như sau;

Thời điểm này không phải là đất của bà V nên việc chuyển nhượng đất giữa bà V cho bà Th ngày 10/2/1993 là không hợp pháp. Bà Th đã giao cho bà V 2....0.000đ theo Giấy chuyển nhượng ngày 10/02/1993. Tuy nhiên Hợp đồng chuyển nhượng trên là không hợp pháp nhưng xét thấy quyền lợi của bà V trong khối di sản thừa kế đã được đảm bảo theo thỏa Th1ận với bà Th từ năm 1993. Vì vậy kỷ phần được thừa kế của bà V được nhận sẽ được xem xét để trừ vào khoản tiền mà bà Th phải trả chênh lệc tài sản được hưởng cho bà V là phù hợp.

Đối với khoản tiền mà bà H hỗ trợ 50.000.000đ cho chị Hà Thị L.A theo di nguyện của cụ Kh, đây là việc thỏa Th1ận riêng và tự nguyện giữa bà H và chị Hà

Thị L.A. Đồng thời Hợp đồng tặng cho tháng 3/2003 đã được công nhận hợp pháp, bà H đã được hưởng 76,5m^2 đất cụ Kh tặng cho nên khoản tiền này không xem xét.

Do đó, tại cấp phúc thẩm chị Hà Thị L.A (không kháng cáo) nhưng yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết và yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán đất giữa bà V (mẹ chị) và bà Th ngày 10/02/2003 là vô hiệu nên không được chấp nhận.

[4]. Di sản của cụ Ch và cụ Kh chết được xem xét chia thừa kế là:

4.1. Theo kết quả định giá ngày 15/7/2020 thì tổng giá trị đất của 245,18m^2 theo giá thị trường: 5.140.000.000 đồng. Trong đó:

- Phần đất phía ngoài tiếp giáp mặt đường L.T.H mà hiện nay bà Th đang sử dụng là 40,08m^2 theo giá thị trường phần đất này là 60.000.000 đồng/m^2, có tổng giá trị là: 40,08m^2 x 60.000.000 đồng/m^2 = 2.404.800.000đồng.

- Phần đất tiếp theo phía sau trong ngõ mà hiện nay bà H đang sử dụng là 85,6m^2 theo giá thị trường phần đất này là 12.000.000 đồng/m^2, có tổng giá trị là: 85,6m^2 x 12.000.000 đồng/m^2 = 1.027.200.000đồng.

- Phần đất tiếp theo phía sau trong ngõ mà hiện nay bà Th1 đang sử dụng là ...,1m^2 theo giá thị trường phần đất này là 12.000.000 đồng/m^2, có tổng giá trị là: ...,1m^2 x 12.000.000 đồng/m^2 = 1.105.200.000đồng.

- Phần đất trừ ra để làm ngõ đi chung của 03 gia đình gồm: bà Th, bà H và bà Th1 là 27,4 m^2 theo giá thị trường là 22.000.000 đồng/m^2, có tổng giá trị là: 27,4m^2 x 22.000.000 đồng/m^2 = 602.800.000đồng.

4.2. Xác định những người được thừa kế, gồm: bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Th1, bà Nguyễn Thị H, chị Hà Thị L.A (thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị V đã chết) đối với phần tài sản của cụ Ch và cụ Kh; bà Đặng Thị Ph, bà Nguyễn Thị Kim D, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Th1 H, bà Nguyễn Thị Kim L1, ông Nguyễn Quốc Ng và bà Nguyễn Thị Th1 PH (thừa kế thế vị của ông Nguyễn Ng O. đối với phần tài sản của cụ Ch); Bà Đặng Thị Th2 thừa kế đối với phần tài sản của cụ Kh.

4.3. Về xác định công tôn tạo, duy trì và bảo quản tài sản của các bên:

- Bà Th về ở và sử dụng, xây nhà trên đất này từ năm 1978 cho đến nay trên 40 năm, diện tích đất đang sử dụng 40,08m^2 trong đó có 16,0m^2 thỏa thuận mua lại của bà V được cụ Kh chia cho và 24,08m^2 được cụ Kh chia cho. Hàng năm đều thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước và có công duy trì, bảo quản và tôn tạo đất trên 40 năm. Vì vậy, cần trích công tôn tạo, bảo quản di sản cho bà Th bằng 60% diện tích đất hiện nay bà đang sử dụng, cụ thể là 40,08m^2 x 60% = 24,048m^2 x 60.000.000đ/m^2 = 1.444.800.000 đồng. Còn lại 16,032m^2 x 60.000.000đ/m^2 = 961....0.000đ được chia thùa kế.

- Bà Th1 về ở và sử dụng xây nhà trên đất này từ năm 1979 đến cho đến nay trên 40 năm, diện tích đang sử dụng ...,1 m^2. Hàng năm đều thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước và có công duy trì, bảo quản và tôn tạo đất. Vì vậy,

cần trích công tôn tạo, bảo quản di sản cho bà Th1 bằng 60% diện tích đất hiện nay bà đang sử dụng, cụ thể ...,1 m^2 x 60% = 55,26m^2 x 12.000.000đ/m^2 = 663.120.000 đồng. Còn lại 36,84m^2 x 12.000.000đ/m^2 = 442.080.000đ được chia thùa kế.

- Bà H ở cùng với cụ Ch và cụ Kh từ nhỏ và được cụ Kh tặng cho nhà đất trên diện tích đất là 76,5m^2 (đã được công nhận hợp pháp) và bà vẫn ở trên đất này cho đến nay. Ngoài ra bà còn sử dụng phần đất của bà V 9,1m^2 được cụ Kh chia. Hàng năm đều thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước và có công duy trì, bảo quản và tôn tạo đất. Vì vậy, cần trích công tôn tạo, bảo quản di sản cho bà H bằng 60% diện tích của 9,1m^2 hiện nay bà đang sử dụng, cụ thể 9,1m^2 x 60% = 5,46m^2 x 12.000.000đ/m^2 = 65.520.000 đồng. Còn lại 3,64m^2 x 12.000.000đ/m^2 = 43.680.000đ được chia thừa kế.

4.5. Di sản còn lại được chia thừa kế: Khối di sản chung của cụ Ch và cụ Kh là 245,18m^2, trị giá 5.140.000.000 đồng. Sau khi trừ 76,5m^2 trị giá thành tiền 918.000.000đ cụ Kh tặng cho bà H, trừ ngõ đi chung diện tích 27,4m^2 trị giá thành tiền 602.800.000đồng, trích công sức cho bà Th 24,048m^2 trị giá thành tiền 1.442.880.000 đồng; trích công sức cho bà Th1 55,26m^2 trị giá thành tiền 663.120.000 đồng; trích công sức cho bà H 5,46m^2 trị giá thành tiền 65.520.000 đồng.

Còn lại để chia thừa kế là 56,512m^2 đất , trị giá **1.447.680.000 đồng**, gồm: Bà Th đang quản lý 16,032m^2 x 60.000.000đ/m^2 = 961....0.000đ; bà Th1 đang quản lý 36,84m^2 x 12.000.000đ/m^2 = 442.080.000đ; bà H đang quản lý 3,64m^2 x 12.000.000đ/m^2 = 43.680.000đ.

4.6. Phân chia di sản theo giá trị:

- Các bà Th, H, Th1 và bà V là con chung của cụ Ch và cụ Kh, đã ở chung nhiều năm và có nhiều công chăm sóc phụng dưỡng bố mẹ đồng thời được hưởng phần thừa kế chung của bố mẹ nhiều hơn nên được hưởng 3/4 của giá trị thừa kế còn lại (1.447.680.000đ) là **1.085.760.000đ**. Đối với bà H đã được cụ Kh tặng 76,5m^2 đất, bà V đi công tác xa và chết trước cụ Kh nên công chăm sóc phụng dưỡng ít hơn bà Th và bà Th1, do đó bà H và bà V được hưởng 1/3 là 361....0.000đ trong giá trị được thừa kế của 04 người. Cụ thể bà H được hưởng 180.960.000đ, bà V được hưởng 180.960.000đ, bà Th được hưởng 361....0.000đ và bà Th1 được hưởng 361....0.000đ.

- Ông O. hưởng phần thừa kế của cụ Ch, bà Th2 hưởng phần thừa kế của cụ Kh và không ở với bố mẹ nên công sức chăm sóc phụng dưỡng ít hơn được hưởng chung 1/4 giá trị di sản thừa kế của 1.447.680.000đ là 361....0.000đ, mỗi người được hưởng 180.960.000đ,.

4.7. Phân chia bằng hiện vật: Căn cứ vào hiện trạng đất hiện nay, nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu chia thừa kế bằng đất. Hiện nay bà Th, bà H, bà Th1 đều không có nơi ở, những người khác đều có nơi ở ổn định. Toàn bộ diện tích đất trên các bà Th, Th1, H đang quản lý sử dụng

từ trước đến nay. Để đảm bảo ổn định hiện trạng cho các đương sự trong vụ án nên chia như sau:

1. Giao cho bà Th tiếp tục được quản lý và sử dụng diện tích 40,08m^2 trị giá thành tiền là 2.404.800.000đồng, cụ thể các mặt tiếp giáp tứ cận:

- Phía bắc giáp đất nhà ông .Q1

- Phía Nam giáp ngõ đi chung

- Phía Tây giáp đường L.T.H

- Phía Đông giáp đất bà H (có sơ đồ kèm theo)

Ngoài ra trên đất còn có công trình nổi vợ chồng bà Th xây dựng, đây là tài sản của vợ chồng bà nên giao cho bà Th tiếp tục được quyền sở hữu.

Phần của bà Th được hưởng: Trích công sức 1.442.880.000 đồng, kỷ phần thừa kế được hưởng 361....0.000đ, Tổng cộng: 1.804.800.000 đồng. Bà Th phải giao lại cho các kỷ phần thừa kế tiền chênh lệch tài sản 600.000.000 đồng: Cụ thể: Giao cho bà D (đại diện cho vợ và các con ông O. đã chết) 180.960.000đ; giao bà Th2 180.960.000đ; giao cho chị Hà Thị L.A (con bà V đã chết) 180.960.000đ nhưng được trừ vào tiền thỏa thuận mua bán đất ngày 10/02/1993 giữa bà V và bà Th; giao cho bà H 57.120.000đ.

2. Giao cho bà Th1 tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất ...,1m^2 trị giá thành tiền là 1.105.200.000đồng. Vị trí tiếp giáp tứ cận khu đất cụ thể :

- Phía bắc giáp đất ông Th

- Phía Nam giáp đất nhà bà T.H

- Phía Tây giáp nhà bà H và ngõ đi chung

- Phía Đông giáp hộ ông M1 (có sơ đồ kèm theo)

Ngoài ra trên đất còn có công trình nổi do bà Th1 xây dựng, đây là tài sản của bà nên giao cho bà Th1 tiếp tục được quyền sở hữu.

Phần của bà Th1 được hưởng: Trích công sức 663.120.000 đồng, kỷ phần thừa kế được hưởng 361....0.000đ, Tổng cộng: 1.025.040.000 đồng. Bà Th phải giao lại phần chênh lệch tài sản cho bà H 80.160.000 đồng:

3. Giao cho bà H tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 85,6m^2, trị giá thành tiền là 1.027.200.000đồng. Vị trí tiếp giáp tứ cận khu đất cụ thể :

- Phía bắc giáp hộ ông .Q1

- Phía Nam giáp đất ngõ đi chung

- Phía Tây giáp nhà bà Th

- Phía Đông giáp nhà bà Th1 (có sơ đồ kèm theo)

Ngoài ra trên đất còn có công trình nổi do bà H xây dựng, đây là tài sản của bà nên giao cho bà H tiếp tục được quyền sở hữu.

Phần của bà H được hưởng: 76,5m^2 được cụ Kh tặng cho và 5,46m^2 trích công sức, Tổng cộng 983.520.000. Kỷ phần thừa kế được hưởng 180.960.000đ nhưng được trừ vào phần đất thừa kế chung đang sử dụng là 3,64m^2 có giá trị là 43.680.000đ. Còn lại được nhận phần thừa kế được hưởng còn thiếu là 137.280.000đ (trong đó bà Th giao lại 57.120.000đ, bà Th1 giao lại 80.160.000 đồng)

4. Đối với phần ngõ đi chung lâu nay bà Th, H, Th1 đang sử dụng diện tích 27,4 m^2 trị giá thành tiền 602.800.000đồng. Nay tiếp tục để làm ngõ đi chung của các gia đình bà Th, Th1, H.

Như vậy:

- Tổng cộng giá trị đất bà Th được giao: 2.404.800.000đồng. Trừ phần được hưởng 1.804.800.000 đồng. Bà Th phải giao lại cho các kỷ phần thừa kế tiền chênh lệch tài sản 600.000.000 đồng: Cụ thể: Giao cho bà D (đại diện cho vợ và các con ông O. đã chết) 180.960.000đ; giao bà Th2 180.960.000đ; giao cho chị Hà Thị L.A (con bà V đã chết) 180.960.000đ nhưng được trừ vào tiền thỏa Th1ận mua bán đất ngày 10/02/1993 giữa bà V và bà Th; giao cho bà H 57.120.000đ.

- Tổng cộng giá trị đất bà Th1 được giao: 1.105.200.000đồng. Trừ phần được hưởng 1.025.040.000 đồng. Bà Th phải giao lại phần chênh lệch tài sản cho bà H 80.160.000 đồng:

- Tổng cộng giá trị đất bà H được giao: 1.027.200.000đồng. Phần của bà H được hưởng: 76,5m^2 được cụ Kh tặng cho và 5,46m^2 trích công sức, kỷ phần thừa kế 180.960.000đ. Tổng cộng: 1.164.480.000đ. Phần còn thiếu 137.280.000đ được nhận từ bà Th 57.120.000đ và bà Th1 80.160.000đ.

[5]. Án phí sơ thẩm: Bà Th, bà Th1, bà Th2 và bà D là người cao tuổi, Bà H đang thờ cúng liệt sỹ nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chị Hà Thị L.A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 180.960.000đ x 5% = 9.048.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ: Khoản 1, 2 Điều 308; khoản 3 Điều 298 BLTT Dân sự.

1. Chấp nhận việc thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát nhân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa đối với các nội dung: Từ đề nghị Hủy án sơ thẩm thành sửa án sơ thẩm; Rút 1 phần kháng nghị về đề nghị Hủy hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất; Chấp nhận nội dung kháng nghị đối với quyết định thời hạn kháng cáo đối với Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa vắng mặt tại phiên tòa; áp dụng Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015 trong bản án và bổ sung kháng nghị về xác định lại kỷ phần thừa kế, án phí sơ thẩm.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th về hủy Hợp đồng tặng cho nhà và chuyển quyền sử dụng đất ngày 26/3/2003 giữa bên tặng cho là

cụ Trần Thị Kh và bên được cho tặng là bà Nguyễn Thị H. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th và Nguyễn Thị Th1 về xác định lại hàng thừa kế và áp dụng điều luật về thừa kế thế vị.

[2]. Áp dụng: Điều 649, Điều 651, Điều 652; Điều 653, Điều 654, Điều 656, Điều 657, Điều 658, Điều 660, BLDS năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH 14 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

[3]. Tuyên xử;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Ch và cụ Trần Thị Kh theo pháp luật.

2. Xác định tài sản chung của cụ Ch và cụ Kh là 245,18 m^2 đất tại số nhà .. và ... và số nhà ... phố L.T.H, phường L.S, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Xác nhận những người được thừa kế tài sản trên, gồm: bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Th1, bà Nguyễn Thị H, chị Hà Thị L.A (thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị V đã chết) đối với phần tài sản của cụ Ch và cụ Kh; bà Đặng Thị Ph, bà Nguyễn Thị Kim D, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Th1 H, bà Nguyễn Thị Kim L1, ông Nguyễn Quốc Ng và bà Nguyễn Thị Th1 PH (thừa kế thế vị của ông Nguyễn Ng O. đã chết đối với phần tài sản của cụ Ch); Bà Đặng Thị Th2 thừa kế đối với phần tài sản của cụ Kh.

4. Di sản thừa kế được giải quyết như sau:

- Công nhận phần cụ Trần Thị Kh tặng cho bà Nguyễn Thị H 76,5m^2 đất theo Hợp đồng tháng 3 năm 2003, được chứng thực ngày 26/3/2003.

- Trích công tôn tạo, bảo quản di sản cho bà Nguyễn Thị Th trong phần diện tích đất đang quản lý (40,08m^2) bằng 60%, cụ thể là 24,048m^2, trị giá thành tiền 1.442.880.000 đồng.

- Trích công tôn tạo, bảo quản của bà Nguyễn Thị Th1 trong phần diện tích đất đang quản lý (...,1m^2) bằng 60%, cụ thể là 55,26m^2 trị giá thành tiền 663.120.000 đồng.

- Trừ ngõ đi chung diện tích 27,4 m^2 trị giá thành tiền 602.800.000đồng.

5. Khối di sản chung của cụ Ch và cụ Kh sau khi trừ phần tặng cho của cụ Kh; trích công sức; trừ ngõ đi chung, còn lại: 56,512m^2 trị giá 1.447.680.000 đồng, Được chia cụ thể như sau:

- Bà Th và bà Th1 mỗi người được nhận **361.920.000** đồng.
- Bà V, bà H, ông O. và bà Th2 mỗi người được nhận **180.960.000đ** đồng.

[4]. Phân chia bằng hiện vật:

1. Giao cho bà Nguyễn Thị Th tiếp tục quản lý và sử dụng 40,08m^2 đất, trị giá thành tiền là 2.404.800.000 đồng, cụ thể các mặt tiếp giáp tứ cận:

- Phía bắc giáp đất nhà ông Q1

- Phía Nam giáp ngõ đi chung

- Phía Tây giáp đường L.T.H

- Phía Đông giáp đất bà H.

Ngoài ra trên đất còn có công trình nổi do bà Th xây dựng nên tiếp tục giao cho bà Th được quyền sở hữu và sử dụng

Phần của bà Th được hưởng: **1.804.800.000** đồng. Bà Th phải trả cho các kỷ phần thừa kế tiền chênh lệch tài sản 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng chẵn), cụ thể:

- Trả cho bà Nguyễn Thị Kim D (đại diện cho vợ và các con ông Nguyễn Ng O. đã chết) số tiền **180.960.000**đ (Một trăm tám mươi triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Trả cho bà Đặng Thị Th2 số tiền **180.960.000**đ (Một trăm tám mươi triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Trả cho chị Hà Thị L.A (con bà V đã chết) số tiền **180.960.000**đ (Một trăm tám mươi triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng) được trừ vào tiền thỏa thuận mua bán đất ngày 10/02/1993 giữa bà Nguyễn Thị V và bàNguyễn Thị Th;

- Trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền **57.120.000đ** (Năm mươi bảy triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Bà Th có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký cấp GCNQSD đất đai theo quy định của pháp luật đất đai.

2. Giao cho bà Nguyễn Thị Th1 tiếp tục quản lý và sử dụng 92,1m^2 đất, trị giá thành tiền là 1.105.200.000đồng. Vị trí tiếp giáp tứ cận khu đất cụ thể :

- Phía bắc giáp đất ông Th

- Phía Nam giáp đất nhà bà T.H

- Phía Tây giáp nhà bà H và ngõ đi chung

- Phía Đông giáp hộ ông M1

Ngoài ra trên đất còn có công trình nổi do bà Th1 xây dựng nên tiếp tục giao cho bà Th1 được quyền sở hữu và sử dụng

Phần của bà Th1 được hưởng: 1.025.040.000 đồng. Bà Th1 phải trả lại phần chênh lệch tài sản cho bà Nguyễn Thị H số tiền **80.160.000**đ (Tám mươi triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng):

+ Bà Th1 có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký cấp GCNQSD đất đai theo quy định của pháp luật đất đai.

3. Giao cho bà H tiếp tục quản lý và sử dụng 85,6m^2 đất, trị giá thành tiền 1.027.200.000 đồng. Vị trí tiếp giáp tứ cận khu đất cụ thể :

- Phía bắc giáp hộ ông Q1

- Phía Nam giáp đất ngõ đi chung

- Phía Tây giáp nhà bà Th

- Phía Đông giáp nhà bà Th1.

Ngoài ra trên đất còn có công trình nổi do bà H xây dựng nên tiếp tục giao cho bà H được quyền sở hữu và sử dụng

Phần của bà H được hưởng 1.164.480.000đ. Phần còn thiếu 137.280.000 đồng được nhận từ bà Nguyễn Thị Th **57.120.000** đồng và bà Nguyễn Thị Th1 **80.160.000** đồng giao lại.

+ Bà H có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký cấp GCNQSD đất đai theo quy định của pháp luật đất đai.

4. Đối với phần ngõ đi chung lâu nay bà Th, H, Th1 đang sử dụng diện tích 27,4 m^2, nay tiếp tục để làm ngõ đi chung của các gia đình bà Th, Th1, H.

[5]. Án phí:

- Bà Th, bà Th1, bà Th2 và bà D là người cao tuổi, Bà H đang thờ cúng liệt sỹ nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chị Hà Thị L.A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.048.000đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Th1ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

(Kèm theo bản án là sơ đồ thửa đất chia thừa kế).

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh T. Hóa;
- TAND TP T.Hóa;
- VKSND TP T.Hóa;
- Chi cục THADS TP T.Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Hùng